

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2018/HSPT
Ngày 20 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Đặng An Thanh

Ông Phạm Trung Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 346/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Lê Ph do có kháng cáo của bị cáo Lê Ph kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2018/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Ph, sinh năm: 1980, Nơi ĐKTT: đường Tr, phường Ph, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: đường H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng, Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: không, con ông Lê B và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 24/8/2017. (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Dương Thùy L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Ông **Phù Văn Th**, sinh năm: 1967. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp V1, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang
2. Bà **Dương Diệu Ch**, sinh năm 1959. (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V2, tỉnh Hậu Giang.
3. Ông **Dương D**, sinh năm 1976. (Có mặt)
Địa chỉ: đường Đ, phường V3, thành phố R, tỉnh Kiên Giang
4. Ông **Lâm Văn T**, sinh năm: 1969. (Có mặt)
Địa chỉ: đường Ng, khu phố 3, phường V4, thành phố R, tỉnh Kiên Giang
5. Ông **Lâm Văn Ph2**, sinh năm 1976. (Có mặt)
ĐKTT: số 34 Ng, phường V4, thành phố R, tỉnh Kiên Giang
Chỗ ở: Số 42 Tô Ngọc Vân, khu phố 1, phường Vĩnh Bảo, R, Kiên Giang.
6. Bà **Đặng Ngọc M**, sinh năm 1975
Địa chỉ: xã Tiên Hải, thị xã H, Kiên Giang
Bà Mến ủy quyền cho ông **Đoàn Xuân Th**, sinh năm 1961. (Có mặt)
Địa chỉ: số 57/13A, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, thành phố R, tỉnh Kiên Giang
7. Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm: 1966 (Có mặt)
ĐKTT: Số 361 Nguyễn Trung Trực, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang
Chỗ ở: E10,12,13 đường 3/2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
8. Ông **Nhâm Văn Ph1**, sinh năm 1969. (Có mặt)
Địa chỉ: 443 Nguyễn Trung Trực, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang
9. Ông **Trịnh Văn X**, sinh năm 1964. (Có mặt)
Địa chỉ: 4/39A, khu phố Dãy Ốc, phường Vĩnh Hiệp, thành phố R, Kiên Giang
10. **Công ty cổ phần X** (Bị hại đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản)
Địa chỉ: đường H1, lầu 6, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Bị đơn dân sự: (Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản)

Công ty cổ phần X

Địa chỉ: 9-19 H1, lầu 6, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2003, Lê Ph được tuyển dụng vào Công ty cổ phần X thuộc tổng Công ty X1. Đến ngày 15/2/2003 công ty X thành lập tổ kinh doanh nhà, đất, văn phòng đại diện đặt tại số đường Ng1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và cử Lê Ph đến làm việc tại văn phòng này. Nhiệm vụ được phân công khi công ty X được UBND tỉnh Kiên Giang cấp các lô đất thuộc khu lấn biển thành phố R và thị xã H thì Ph đi tìm khách hàng để bán lại các lô đất trên cho công ty. Trong thời gian làm việc tại chi nhánh tỉnh Kiên Giang, Ph tạo lòng tin với công ty X và các khách hàng. Đến năm 2009 Ph hợp tác với anh Nguyễn Phi Hoàng A mở Công ty TNHH dịch vụ - thương mại T, chuyên kinh doanh quán bar P. Theo thỏa thuận Ph chịu trách nhiệm xây dựng phần cơ sở hạ tầng của quán bar, anh Hoàng A lo phần âm thanh, ánh sáng. Cũng trong thời gian này Ph đang nghiện game Thiên Long Bát Bộ rất cần tiền để mua vật liệu xây dựng quán bar và chi phí chơi game. Từ đó Ph nảy sinh ý định lừa đảo khách hàng bằng cách bán đất không tại khu lấn biển R lấy tiền sử dụng cá nhân cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng cuối tháng 12/2007, anh Phù Văn Th đến văn phòng đại diện công ty X tại R, Kiên Giang gặp Lê Ph hợp đồng mua 03 lô đất gồm; lô H12-8, H12-9 và H11-47, do không có nhu cầu anh Th đã bán lại cho bà Dương Diệu Ch 01 lô đất H11-47. Anh Th còn lại 02 lô đất H12-8, H12-9 cho 02 người con gái đứng tên. Phù Thị Thùy L đứng tên lô đất H12-8, còn Phù Thị Cẩm T đứng tên lô đất H12-9, giá tiền mỗi lô 180.000.000 đồng, chia làm 02 đợt đóng tiền, mỗi đợt 50%. Anh Th đóng xong đợt 01 cho Ph nhận 02 lô đất số tiền 180.000.000 đồng. Đến đóng tiền đợt 02 anh Th giao tiền cho Ph nhận tại văn phòng đại diện công ty X số tiền 90.000.000 đồng x 02 = 180.000.000 đồng, Ph không giao nộp về công ty chiếm đoạt tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn. Trong 02 lô đất này thì có 01 lô H12-9 của Phù Thị Cẩm T đã được công chứng hợp đồng mua bán xong nên công ty đã sang tên cho Cẩm T, còn lô đất H12-8 chưa được hợp đồng công chứng, công ty buộc anh Th phải nộp số tiền 90.000.000 mới sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy Lê Ph đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Công ty X số tiền

90.000.000 đồng và của anh Th số tiền 90.000.000 đồng, hiện nay anh Th không yêu cầu Lê Ph trả lại số tiền cho anh Th.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng tháng 12/2007, anh Phù Văn Th được Lê Ph bán 01 lô đất không H11-47 đường 3/2 khu lấn biển R số tiền 401.250.000 đồng, anh Th không có nhu cầu sử dụng. Đến ngày 19/4/2011, anh Th nhượng lại lô đất H11-47 cho bà Dương Diệu Ch, sinh năm 1959, ngụ ấp Mỹ Tiến 1, xã T, thành phố V2, tỉnh Hậu Giang số tiền 570.000.000 đồng, anh Th hưởng chênh lệch 168.750.000 đồng. Anh Th và bà Ch đến văn phòng đại diện công ty X gặp Lê Ph yêu cầu theo dõi phiếu thu và hợp đồng sang tên cho bà Ch, Lê Ph làm phiếu thu của bà Ch số tiền 401.250.000 đồng và làm 01 hợp đồng giả đưa cho bà Ch ký tên, sau đó Ph cắt chữ ký của Tổng giám đốc Phạm Anh T dán vào hợp đồng và đi photo ra nhiều bản, Ph lén đưa hợp đồng vào tập tài liệu cần đóng dấu để nhân viên đóng dấu không để ý đóng dấu vào hợp đồng giả của Ph. Khi đóng dấu xong Ph mang về R giao cho bà Ch 01 bản để làm bản tin và hẹn 01 tháng sau giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 06 tháng sau bà Ch điện thoại hỏi thúc Ph giao giấy quyền sử dụng đất, Ph hỏi mua lại lô đất H11-47 với giá 650.000.000 đồng, bà Ch đồng ý bán. Ph trả trước cho bà Ch 300.000.000 đồng và hẹn 20 ngày sau trả đủ số tiền, sau đó Ph bỏ trốn. Ph đã lừa đảo bà Dương Diệu Ch số tiền 401.250.000 đồng, đã khắc phục được 300.000.000 đồng, còn lại 101.250.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Vào ngày 23/6/2007 chị Tiêu Tuyết M hợp đồng mua của công ty X 02 lô đất E8-52, E8-53 trên đường 3/2 khu lấn biển R. Theo thỏa thuận hợp đồng chị M đóng tiền cho công ty X chia thành 02 đợt, mỗi đợt đóng 50% giá trị tiền đất, chị M đã đóng đợt 01 xong, Đến ngày 30/8/2009 chị M đến văn phòng đại diện công ty X tại R đóng tiếp số tiền đợt 02 cho Lê Ph nhận số tiền 108.000.000 đồng x 02 lô = 216.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong Lê Ph không nộp tiền về công ty X mà chiếm đoạt luôn tiêu xài cá nhân. Công ty X đã làm thủ tục sang tên 02 lô đất cho chị M xong.

Vụ thứ tư:

Vào đầu tháng 4/2009, anh Trịnh Văn X đến văn phòng đại diện công ty X tại R ký hợp đồng mua 01 lô đất E8-73 đường 3/2 khu lấn biển R với số tiền 216.000.000 đồng, trả tiền thành 02 đợt, mỗi đợt trả 50% trị giá lô đất, anh X đã thanh toán đợt 01 xong. Đến ngày 12/4/2009 anh X trực tiếp đến văn phòng đại

diện công ty X gặp Lê Ph đóng tiếp số tiền 108.000.000 đồng (đợt 02). Ph nhận làm phiếu thu, sau đó tiêu xài cá nhân không giao nộp về công ty X rồi bỏ trốn. Do lô đất của anh X phải đóng đủ số tiền đợt 02 là 108.000.000 đồng, công ty mới sang tên cho anh X. Ph đã chiếm đoạt của anh X số tiền 108.000.000 đồng.

Vụ thứ năm:

Vào ngày 29/5/2011, Lê Ph bán cho anh Lâm Văn Ph22 một lô đất không G9-15 khu lấn biển thành phố R, số tiền 500.000.000 đồng, anh Ph2 đặt tiền cọc trước cho Ph nhận 50.000.000 đồng. Đến ngày 30/5/2011 anh Ph2 bán lô đất G9-15 cho anh Dương D ở Lô A27, Đ, phường V3, thành phố R với số tiền 540.000.000 đồng. Anh D trả trước cho anh Ph2 số tiền 90.000.000 đồng (50.000.000 đồng tiền anh Ph2 đặt cọc cho Ph, còn 40.000.000 đồng anh Ph2 hưởng chênh lệch). Sau đó anh Ph2 và anh Dương D đến gặp Ph để làm lại hợp đồng sang tên anh D. Anh D trả cho Lê Ph nhận số tiền 450.000.000 đồng, Ph lập phiếu thu và hợp đồng giả có đóng dấu đỏ của công ty X giao cho anh D để tạo lòng tin, nhưng trong phiếu thu Lê Ph ghi thu số tiền 361.125.000 đồng (Ph giải thích lập theo tiền công ty đưa ra để đóng thuế ít, số tiền còn lại Ph viết biên nhận tay). Ph hẹn anh D ba tháng sau giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến thời hạn Ph đưa ra nhiều lý do UBND tỉnh Kiên Giang chưa giao đất nên chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhằm kéo dài thời gian, sau đó Ph bỏ trốn. Ph đã lừa đảo chiếm đoạt của anh D số tiền 500.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng là giao dịch dân sự giữa anh D và anh Ph2.

Vụ thứ sáu:

Vào ngày 25/6/2011 anh Lâm Văn T cùng với Lâm Văn Ph2 (em ruột) đến văn phòng đại diện công ty X gặp Lê Ph. Ph giới thiệu bán cho anh T một lô đất không H11-39 số tiền 550.000.000 đồng và bán cho anh Ph2 một lô đất không H11-38 số tiền 550.000.000 đồng, anh T , anh Ph2 giao cho Ph nhận số tiền 1.100.000.000 đồng. Khi Ph lập phiếu thu cho anh T , anh Ph2 mỗi phiếu thu số tiền 401.250.000 đồng, số tiền còn lại 297.500.000 đồng Ph viết biên nhận và Ph làm hợp đồng giả có đóng dấu của công ty X giao cho anh T , anh Ph2 giữ mỗi người 01 bản để tạo lòng tin. Anh T , anh Ph2 thấy lâu sao không làm giấy sang tên nên điện thoại hỏi Ph, Ph giải thích giữa công ty và UBND tỉnh Kiên Giang chưa quyết toán xong nên chưa giao đất, sau đó Ph bỏ trốn. Ph lừa đảo chiếm đoạt của anh T số tiền 550.000.000 đồng, của anh Ph2 550.000.000 đồng, tổng cộng 1.100.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy:

Vào ngày 15/4/2013, anh Đoàn Văn Th cùng với chị Đặng Ngọc M ở xã H, thị xã H, Kiên Giang đến văn phòng đại diện công ty X gặp Lê Ph. Ph giới thiệu và bán cho chị M một lô đất không H10-40 khu lấn biển R với số tiền 560.000.000 đồng. Chị M giao tiền cho Ph nhận đủ, Ph ghi phiếu thu cho chị M số tiền 481.250.000 đồng, còn lại 78.750.000 đồng Ph làm biên nhận tay. Ph hẹn 01 tháng sau giao hợp đồng cho chị M, sau đó bỏ trốn. Ph lừa đảo chiếm đoạt của chị Đặng Ngọc M số tiền 560.000.000 đồng.

Vụ thứ tám:

Vào giữa tháng 4/2013 Lê Ph được công ty X giao 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực lấn biển R, các lô F12-56, F12-57, H11-48, H11-49, H11-50 để sang tên cho khách hàng mua trước đây đã đóng tiền xong (công ty X còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ph tự ý lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty X đem bán cho anh Nguyễn Văn Th ở số 361 đường Ng2, phường V, thành phố R, Kiên Giang với số tiền 3.300.000.000 đồng, anh Th đưa trước cho Ph nhận số tiền 2.750.000.000 đồng. Ph giao 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Th giữ, Ph hẹn 01 tháng sau làm giấy sang tên, sau đó Ph bỏ trốn. Ph đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Th số tiền 2.750.000.000 đồng.

Vụ thứ chín:

Vào ngày 29/5/2013, Lê Ph được công ty X giao 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô: H10-43, H10-44, H12-18, H10-19 ở khu lấn biển R để sang tên cho khách hàng mua trước đây đóng tiền xong nhưng giấy chứng nhận còn mang tên công ty X. Ph tự ý lấy 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty X bán cho anh Nhâm Văn Ph1 ở phường V, thành phố R, Kiên Giang số tiền 2.300.000.000 đồng. Ph nhận của anh Ph1 đủ số tiền 2.300.000.000 đồng và viết biên nhận hẹn 45 ngày sau làm thủ tục sang tên cho anh Ph1. Đến hết thời gian hẹn sang tên anh Ph1 điện thoại hỏi thúc Ph nhiều lần, Ph đưa ra nhiều lý do để kéo dài thời gian. Ph thỏa thuận với anh Ph1 trả lại số tiền 1.150.000.000 đồng để nhận lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô H12-18, H10-19 được anh Ph1 đồng ý, sau đó Ph bỏ trốn, đến tháng 02/2017 Ph khắc phục hậu quả chuyển trả cho anh Ph1 số tiền 1.150.000.000 đồng. Ph đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nhâm Văn Ph1 số tiền 2.300.000.000 đồng, đã khắc phục xong cho anh Ph1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của

Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Ph** phạm các tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Ph 13 (mười ba) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; **05 (năm) năm tù** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hai tội là: **18 (mười tám) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 24/8/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 25/5/2018 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/5/2018 Công ty Cổ phần X kháng cáo phân trách nhiệm dân sự, không đồng ý bồi thường cho những người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Do bị cáo rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng về phần hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, do sai sót của phía Công ty Cổ phần X quản lý và đóng dấu lỏng lẻo, làm thiệt hại cho khách hàng, nên công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty Cổ phần X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Ph rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về mức hình phạt, phần quyết định về phần hình phạt của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần X (Công ty X) thấy rằng: cấp sơ thẩm xác định bị cáo Lê Ph là nhân viên của Công ty X, trong khi thực hiện nhiệm vụ do công ty giao, thực hiện giao dịch tại trụ sở chi nhánh công ty, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong khâu quản lý, cắt dán phô tô chữ ký của giám đốc, làm hợp đồng không đưa cho khách hàng. Bản hợp đồng không mà bị cáo đưa cho khách hàng và phiếu thu đều có đóng mộc của Công ty X. Phía công ty cũng có sơ hở trong việc quản lý và sử dụng con dấu, nên buộc công ty phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Tuy nhiên, qua hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa vẫn còn nhiều mâu thuẫn chưa được điều tra làm rõ, cụ thể:

[3] Lời khai của ông Phạm Anh T, chức vụ tổng giám đốc Công ty X (tại bút lục 144) thể hiện: “...Hợp đồng chính thống của Công ty đều có chữ ký nháy của lãnh đạo phòng phụ trách, còn đối với văn phòng công ty tại Kiên Giang phải có chữ ký nháy của anh An phụ trách...” bản thân Lê Ph được công ty tin tưởng giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ công ty cho khách hàng đã mua, Ph đã không thực hiện theo yêu cầu của công ty mà dùng bảy sổ đỏ đã bán, bán tiếp cho anh Th và anh Ph1. Theo quy định của công ty thì sau khi thỏa thuận với khách hàng giá bán đất xong, theo đúng bằng giá công ty đưa ra, khi khách hàng đặt tiền cọc thì Ph viết phiếu thu tiền rồi chuyển vào tài khoản của công ty qua ngân hàng.

[4] Lời khai của ông Nguyễn Văn H là người đại diện cho Công ty X (tại bút lục 141) thể hiện “...Lê Ph nhận tiền của khách hàng thì công ty không giao mà Ph tự ý nhận tiền...” Tuy nhiên Ph cũng đã từng nhận tiền của một số khách hàng khác nộp đủ về văn phòng công ty, thấy Ph đã làm lâu năm nên công ty tin tưởng vẫn để Lê Ph trực tiếp thu tiền của khách hàng.

[5] Tại bút lục 248, thể hiện Lê Ph là nhân viên có nhiệm vụ phụ trách bán hàng khi khách hàng trả tiền thì phía công ty giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Ph lập thủ tục sang tên cho khách hàng. Về trình tự thủ tục, khi khách hàng cần nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì đến trực tiếp văn phòng đại diện để xem sơ đồ và được tư vấn thủ tục, khi chọn được lô đất cần chuyển nhượng thì khách hàng cung cấp thông tin như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh để chuyển lên trụ sở chính lập hợp đồng “... Tiền chuyển nhượng khách hàng phải chuyển vào tài khoản của công ty. Công ty không giao nhiệm vụ cho Lê Ph nhận tiền của khách hàng...”

[6] Tại bút lục 82, thể hiện tổ trưởng tổ kinh doanh nhà đất có nhiệm vụ phản ánh kịp thời tình hình thị trường, những khó khăn vướng mắc về cho công ty để có

biện pháp chỉ đạo kinh doanh đạt hiệu quả và đúng pháp luật, cập nhật sổ sách chứng từ quyết toán rõ ràng và đúng quy định, báo cáo kịp thời công nợ, lý do nợ và thời hạn trả nợ của khách hàng về công ty để có kế hoạch thu hồi nợ đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và giám đốc công ty về toàn bộ các hoạt động kinh doanh của tổ. Quyết định này hoàn toàn không thể hiện giao nhiệm vụ cụ thể nào cho bị cáo.

[7] Đối với trường hợp của bị hại Đào Văn Th, vào giữa tháng 4/2013 Lê Ph được Công ty X giao 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực lấn biển sang tên cho khách hàng mua trước đây đã đóng tiền xong (Công ty X còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Bị cáo Ph tự ý lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty X đem bán cho anh Nguyễn Văn Th chiếm đoạt số tiền 2.750.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngoài nhiệm vụ được Công ty X giao, cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ mà buộc Công ty X phải bồi thường cho anh Th 1/3 trong số tiền 2.700.000 đồng là chưa có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa những người bị hại trình bày trước đó một số hợp đồng không có ký nháy của lãnh đạo phòng phụ trách, nhưng vẫn thực hiện hoàn tất giao dịch chuyển quyền sử dụng từ Công ty X cho khách hàng.

[9] Lời khai của lãnh đạo Công ty X và đại diện lãnh đạo Công ty X còn nhiều mâu thuẫn. Cần phải điều tra làm rõ trình tự thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ Công ty X cho khách hàng. Xác định bị cáo Lê Ph được thu tiền của khách hàng hay không, trên cơ sở đó mới có căn cứ chính xác, xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Công ty X và của bị cáo Lê Ph đối với khách hàng.

[10] Cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ trong các lần bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, lần nào bị cáo gây thiệt hại khi thực hiện nhiệm vụ được Công ty X giao và lần nào gây thiệt hại ngoài nhiệm vụ được Công ty X giao để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[11] Ngoài ra theo quy định tại Điều 597 – Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật.” Cấp sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu này cho Công ty X là có thiếu sót.

[12] Xét thấy cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy bản án sơ thẩm về phần dân sự để điều tra xét xử lại, nên kháng cáo của Công ty X được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[15] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo và Công ty Cổ phần X (Công ty X) không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 348, điểm đ khoản 1 điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần hình phạt đối với bản án sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Bản án sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Ph có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20/8/2018.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 355, điểm b khoản 1 điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần X (Công ty X).

Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần trách nhiệm dân sự.

Giao toàn bộ hồ sơ về lại cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang điều tra lại vụ án để xác định trách nhiệm dân sự của bị cáo Lê Ph và Công ty Cổ phần X (Công ty X) theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo và Công ty Cổ phần X (Công ty X) không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang
(để tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại;
- Lưu: VP, HS, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng